

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật và các dự án khác thuộc khu Đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn (đợt 4, đợt 5 và đợt 6)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019, Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 và Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về ban hành bảng giá đất các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Tờ trình số 111/TTr-HĐBT ngày 24/7/2023; ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại: Tờ trình số 1042/TTr-STNMT ngày 29/8/2023 và Công văn số 3136/STNMT-CCQLĐĐ ngày 19/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật và các dự án khác thuộc khu Đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn (đợt 4, đợt 5 và đợt 6) với các nội dung như sau:

1. Về giá trị bồi thường, hỗ trợ:

Tổng giá trị hỗ trợ bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB là **2.777.069.327 đồng** (*Bằng chữ: Hai tỷ, bảy trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi chín ngàn, ba trăm hai mươi bảy đồng*); trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ : 2.722.616.987 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB : 54.452.340 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định là 5.445.000 đồng; đã bao gồm chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 3.812.000 đồng)

Nguồn vốn chi trả: Ngân sách nhà nước.

(Chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này)

Theo đó, điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ của hộ ông Lê Văn Chanh và Đào Văn Ân, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%), chi phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất tương ứng đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4686/QĐ- UBND ngày 25/11/2021 là 1.560.054.995 đồng. Cụ thể:

- Giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ của hộ ông Lê Văn Chanh và Đào Văn Ân: 1.526.472.598 đồng;
- Giảm chi phí phục vụ GPMB: 30.529.452 đồng;
- Giảm chi phí dự phòng cưỡng chế: 3.052.945 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này)

2. Về tái định cư:

- Thu hồi 04 lô đất tại Khu tái định cư mở rộng phía Tây Bắc khu tái định cư Quy Hòa đã giao cho 02 hộ gia đình được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 13/5/2022; cụ thể:

+ Lô đất số 27 khu TDC-04, đường ĐS4, diện tích 100m² và lô số 28, khu TDC-04, đường ĐS4, diện tích 100m² đã giao cho hộ ông Lê Văn Chanh và Đào Văn Ân;

+ Lô đất số 22d, khu TDC-03, đường ĐS4, diện tích 80m² và lô số 23d, khu TDC-03, đường ĐS4, diện tích 80m² đã giao cho hộ ông Lê Kim Sơn, vợ Phan Thị Thanh Vân.

- Giao 04 lô đất ở tái định cư tại Khu tái định cư mở rộng phía Tây Bắc khu tái định cư Quy Hòa cho 02 hộ gia đình với diện tích là 406,88m² ; tổng số tiền sử dụng đất các hộ phải nộp là 1.277.520.000 đồng; cụ thể:

+ Giao cho hộ ông Lê Văn Chanh 02 lô đất tái định cư: lô đất số 27, khu TDC-04, đường ĐS4 (lộ giới 20m), diện tích 100m² và lô đất số 28, khu TDC-04, đường ĐS4 (lộ giới 20m), diện tích 100m².

+ Giao cho hộ ông Lê Kim Sơn, vợ Phan Thị Thanh Vân 02 lô đất tái định cư: Lô đất số 10, khu TDC-02, đường ĐS7 (lộ giới 13m), diện tích 122m² và lô đất số 9d, khu TDC-02, đường ĐS7 (lộ giới 13m) diện tích 84,88m².

(Chi tiết theo Phụ lục 03 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được điều chỉnh, bổ sung tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 25/11/2021, Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 13/5/2022, Quyết định số 1506/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 và Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K8.

lon



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục 1
BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ DO GPMB
Dự án: Hạ tầng kỹ thuật và các dự án khác thuộc khu Đô thị khoa học và Giáo dục Quy Hòa
tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Theo hồ sơ đo đạc hiện trạng năm 2020				Diện tích đất được bồi thường (m ²)			Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)						
			Số thửa	Tờ BD	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Đất ở	Đất vườn	Đất nông nghiệp	Bồi thường đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Bồi thường cây cối	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khi thu hồi đất vườn	Các khoản BT, HT khác và thưởng GPMB	Tổng
1	Lê Văn Chanh	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	5	1	ODT+BHK	219,3	150,00	69,30	0,0	520.641.000	558.416.882	88.117.000	30.769.200	114.345.000	50.144.000	1.362.433.082
2	Trình Thị Toàn (chết), cháu Đào Văn Ân	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	397	1	ODT+BHK	56,0	0,00	56,00	0,0	8.288.000	93.800.000	0	0		5.000.000	107.088.000
3	Nguyễn Thị Hương	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng									97.980.738					97.980.738
4	Phạm Thị Xuân Thùy	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng									255.749.110					255.749.110
5	Trần Thị Ngãi, con Trần Thị Minh Phụng	Tổ 8, KV2, P. Ghềnh Ráng									282.630.232					282.630.232
6	Nguyễn Thế Lạc	176 Ý Lan, TP. Quy Nhơn									24.734.790					24.734.790
7	Nguyễn Đức Dũng, vợ Đào Thị Nhị	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng									128.581.611					128.581.611
8	Lương Duy Vân	07 Nguyễn Lương Bằng, TP. Quy Nhơn									28.378.425					28.378.425
9	Đào Thị Hồng Bông, chồng Nguyễn Anh Tùng	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng									78.855.837					78.855.837
10	Nguyễn Thị Sen	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng									70.649.606					70.649.606

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Theo hồ sơ đo đạc hiện trạng năm 2020				Diện tích đất được bồi thường (m ²)			Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)						
			Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Đất ở	Đất vườn	Đất nông nghiệp	Bồi thường đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Bồi thường cây cối	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khi thu hồi đất vườn	Các khoản BT, HT khác và thưởng GPMB	Tổng
11	Nguyễn Quang Dũng, vợ Phạm Thị Kim Loan	Tổ 9, KV2, P. Ghềnh Ráng									45.149.960					45.149.960
12	Huỳnh Kim Hùng, Huỳnh Kim Ích và Nguyễn Thị Đào	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng									211.786.896					211.786.896
13	Lê Kim Nhung, vợ Trần Thị Thu Hà	Tổ 8, KV2, P. Ghềnh Ráng									28.598.700					28.598.700
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ					275,3	150,0	125,3	0,0	528.929.000	1.905.312.787	88.117.000	30.769.200	114.345.000	55.144.000	2.722.616.987
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB 2% (Ax2%)															54.452.340
C	Tổng cộng (A+B)															2.777.069.327

LDN

Phụ lục 2

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIẢM GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐÃ ĐƯỢC UBND TỈNH
PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 4686/QĐ-UBND NGÀY 25/11/2021**

**Dự án: Hạ tầng kỹ thuật và các dự án khác thuộc khu Đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa, tại KV 2,
phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Theo hồ sơ đo đạc hiện trạng			Diện tích thu hồi giảm (m ²)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh giảm (đồng)
			Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất		
	Lê Văn Chanh và Đào Văn Ân	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	5 +379	1	ODT+BHK	275,3	1.526.472.598
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh giảm						1.526.472.598
B	Giảm chi phí phục vụ công tác GPMB 2%: (A) x 2%						30.529.452
C	Giảm chi phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: (B) x 10%						3.052.945
	Tổng giá trị điều chỉnh giảm: (A) + (B) + (C)						1.560.054.995

ĐVN

Phụ lục 3
BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB
Dự án: Hạ tầng kỹ thuật và các dự án khác thuộc khu Đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa
tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

Stt	Hộ gia đình	Địa chỉ	Diện tích đất được bồi thường (m2)				Lô đất tái định cư được giao				Diện tích giao đất tái định cư bằng diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư (đồng/m ²)	Diện tích giao đất tái định cư vượt diện tích đất ở thu hồi (m ²)	Giá đất cụ thể theo giá thị trường để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư (đồng/m ²)	Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Đất ở	Đất vườn	Đất nông nghiệp	Tổng	Lô số	Khu	Đường (lộ giới)	Diện tích (m ²)						
							(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)x(6)+(7)x(8)	
I	Thu hồi lô đất tái định cư đã giao được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 13/5/2022									360,00					1.174.560.000	
1	Lê Văn Chanh và Đào Văn Ân	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	150,0	125,3	0,0	275,3	27	TDC-04	ĐS4 (20m)	100,00	100,00	2.900.000	0,00	4.500.000	290.000.000	STT 13 trong Phụ lục kèm theo Quyết định
							28	TDC-04	ĐS4 (20m)	100,00	50,00	2.900.000	50,00	4.500.000	370.000.000	
2	Lê Kim Sơn, vợ Phan Thị Thanh Vân	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	128,4	91,0	0,0	219,4	22d	TDC-03	ĐS4 (20m)	80,00	80,00	2.900.000	0,00	4.500.000	232.000.000	STT 21 trong Phụ lục kèm theo Quyết định
							23d	TDC-03	ĐS4 (20m)	80,00	48,40	2.900.000	31,60	4.500.000	282.560.000	
II	Giao lại lô đất tái định cư									406,88					1.277.520.000	
1	Lê Văn Chanh	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	150,0	125,3	0,0	275,3	27	TDC-04	ĐS4 (20m)	100,00	100,00	2.900.000	0,00	4.500.000	290.000.000	
							28	TDC-04	ĐS4 (20m)	100,00	50,00	2.900.000	50,00	4.500.000	370.000.000	
2	Lê Kim Sơn, vợ Phan Thị Thanh Vân	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	150,0	69,4	0,0	219,4	10	TDC-02	ĐS7 (13m)	122,00	122,00	2.600.000	0,00	4.000.000	317.200.000	
							9d	TDC-02	ĐS7 (13m)	84,88	28,00	2.600.000	56,88	4.000.000	300.320.000	

ron